

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Lương Văn N, sinh năm 2001, tại Cà Mau; nơi thường trú: ấp G, phường H, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T; tiền án: Tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo chưa chấp hành án phí hình sự, tiền nộp sung quỹ nhà nước; tiền sự: Tại Quyết định số 273/2020/QĐ-TA ngày 16/12/2020, bị Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng; nhân thân: Tại Bản án số 130/2018/HSST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 46/2018/HSST ngày 12/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại bản án số 130/2018/HSST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù, chưa chấp hành án phí hình sự và tiền nộp sung quỹ nhà nước; bị bắt tạm giữ ngày 25/6/2025, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Hoàng Ngọc M, sinh năm 1990; nơi thường trú: ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lương Văn N không có nghề nghiệp nên nảy sinh ý định đi tìm kiếm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Nhí thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 19/6/2025, N điều khiển xe mô tô biển số 61L3-1403 đến khu vực ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến tiệm kinh doanh chăm sóc sắc đẹp của bà Hoàng Ngọc M tại đường Đ thuộc ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, N thấy cửa trong nhà không khóa, khép hờ, N để xe mô tô ở bên ngoài, N trèo qua cổng đi vào nhà, lén lút lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s Plus màu vàng hồng để ở đầu giường ghế spa bỏ vào túi quần bên phải, N tiếp tục lục tủ lấy số tiền mặt 4.000.000 và 01 chiếc nhẫn vàng 18k bỏ vào túi sau, N đi ra phía bên hông cầu thang lấy 01 máy tính xách tay (laptop) hiệu HP để trên đầu tủ. Sau khi lấy được tài sản, N thấy có chùm chìa khóa cửa để trên bàn nên lấy mở khóa cổng tẩu thoát, mở cổng xong Nhí ném chìa khóa về phía cửa nhà rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà trọ tại xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu tài sản trộm được. Đến trưa ngày 19/6/2025, N mang nhẫn vàng trộm được đến tiệm V tại chợ H1, huyện B, tỉnh Bình Dương nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Công D làm chủ bán được số tiền 2.000.000 đồng, Nhí tiêu xài cá nhân hết, khi bán N không nói cho ông D biết chiếc nhẫn 18k do Nhí trộm cắp mà có, còn 01 điện thoại hiệu iphone 6s plus Nhí mang đến một cửa hàng điện thoại di động ở khu vực chợ H1, huyện B, tỉnh Bình Dương nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ tên cửa hàng) để thay vỏ điện thoại thành màu xám nhằm mục đích khi N đem bán sẽ không bị phát hiện. Ngày 24/6/2025, bà Hoàng Ngọc M đến Công an xã P trình báo sự việc, quá trình điều tra thu thập chứng cứ ngày 25/6/2025, Công an xã P mời Lương Văn N về trụ sở làm việc, qua làm việc Lương Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho Cơ quan Công an xã P, thành phố Hồ Chí Minh 01 Máy tính HP và điện thoại iphone 6s Plus và 01 xe mô tô biển số 61L3-1403.

Tại kết luận định giá tài sản số 19/KLĐG – TSTTHS, ngày 27 tháng 6 năm 2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s Plus có giá 1.000.000 đồng; 01 máy tính xách

tay (laptop) nhãn hiệu HP 6350s có giá 500.000 đồng; 01 nhẫn vàng 18k 01 chỉ có giá 6.760.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.260.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Lương Văn N chiếm đoạt của bị hại Hoàng Ngọc M là 12.260.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 26/5/2025, N điều khiển xe mô tô biển số 61L3-1403 đến khu vực ấp A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh tìm kiếm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà của anh Lê Thanh H ở khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, N thấy cửa nhà không khoá, cửa khép hờ nên N trèo qua cổng rồi đi vào nhà lấy trộm 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer để ở ngoài phòng khách, N đi vào phòng ngủ lấy trộm 01 nhẫn vàng 9999, 01 mặt thần tài 01 chỉ, 01 đồng hồ đeo tay và tiền mặt 700.000 đồng, N lấy vàng, tiền và đồng hồ bỏ vào túi quần, còn laptop N cầm trên tay. Khi đi ra đến cổng trước nhà N móc cái đồng hồ trong túi quần ra thấy đồng hồ cũ, bị hư nên N vứt lại bụi cỏ trước nhà rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ ở xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh cất giấu tài sản trộm được. Đến trưa ngày 26/5/2025, N mang vàng trộm được đến cửa hàng tiệm vàng (không nhớ địa chỉ) tại chợ H1 bán được 22.000.000 đồng và bán 01 máy tính laptop tại cửa hàng) không rõ địa chỉ ở L, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh được 1.000.000 đồng, N tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Khoảng 05 giờ ngày 26/5/2025, ông Lê Thanh H phát hiện mất trộm tài sản, đến ngày 15/9/2025, ông H đến Công an phường C trình báo sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 27/10/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự xác định: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ROLEX màu trắng (đồng hồ cơ) có giá trị 2.000.000 đồng; Nhẫn vàng đính đá vàng 18k trọng lượng 3 chỉ 32 có giá trị 23.120.000 đồng; Miếng vàng SJC hình thần tài 9999 trọng lượng 01 chỉ có giá trị 12.293.000 đồng; Máy tính xách tay nhãn hiệu ACER có giá trị 1.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Lương Văn N chiếm đoạt của bị hại Lê Thanh H là 39.113.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s plus đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu HP 6350s đã qua sử dụng của bà Hoàng Ngọc M. Ngày 22/7/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Hoàng Ngọc M. Bà M nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với 01 cái túi vải màu xanh không còn giá trị sử dụng nên bị hại Hoàng Ngọc M không yêu cầu định giá tài sản.

01 (một) xe mô tô biển số nhãn hiệu JAPATO, biển số 61L3-1403 đã qua sử dụng do bà Đinh Thị N1, có địa chỉ tại 1 khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên trên giấy đăng ký xe. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành xác minh tại địa chỉ trên nhưng không có thông tin của bà N1, bà N1 không sinh sống tại địa phương. Các ngày 18/9/2025, 19/9/2025 và 20/9/2025,

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đăng công báo truy tìm chủ sở hữu xe mô tô biển số 61L3-1403 trên B trong 03 kì liên tiếp nhưng chưa ai đến liên hệ giải quyết. Xe mô tô trên do N sử dụng vào việc phạm tội do đó chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Kết luận định giá tài sản, xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Hoàng Ngọc M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị hại Lê Thanh H yêu cầu Lương Văn N phải bồi thường số tiền 38.400.000 đồng, N đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lương Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản Cáo trạng số 88/CT-VKSBB ngày 27 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lương Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025, đề nghị xử phạt bị cáo N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025, buộc Lương Văn N bồi thường cho ông Lê Thanh H số tiền 38.400.000 đồng; bị hại Hoàng Ngọc M, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị: tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu JAPATO, biển số 61L3-1403, số máy: KFMHUB007873, số khung FKDGPC007873 (dàn mũ màu đỏ nhãn hiệu Wave, xe không kính chiếu hậu, không kiểm tra bên trong máy) là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo Lương Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại bà Hoàng Ngọc M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; ông Lê Thanh H vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Công D vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị cáo Lương Văn N không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định:

Khoảng 01 giờ ngày 26/5/2025, tại nhà của anh Lê Thanh H thuộc khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, Lương Văn N lén lút lấy trộm 01 máy tính laptop nhãn hiệu Acer trị giá 1.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng đính đá vàng 18k trọng lượng 3 chỉ 32 có giá trị 23.120.000 đồng, 01 miếng vàng SJC hình thần tài 9999 trọng lượng 01 chỉ có giá trị 12.293.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu ROLEX màu trắng (đồng hồ cơ) có giá trị 2.000.000 đồng và tiền mặt 700.000 đồng, nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản Nhí chiếm đoạt của bị hại Lê Thanh H là 39.113.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Khoảng 02 giờ ngày 19/6/2025, tại cửa hàng kinh doanh của bà Hoàng Ngọc M thuộc đường Đ, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, Lương Văn N lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 6s Plus màu vàng có giá trị 1.000.000 đồng, tiền mặt 4.000.000 đồng, 01 chiếc nhẫn vàng 18k có giá trị 6.760.000 đồng và 01 máy tính xách tay (laptop) hiệu HP giá trị 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nhí chiếm đoạt của bị hại Hoàng Ngọc M là 12.260.000 đồng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân.

Tổng giá trị tài sản Lương Văn N chiếm đoạt của 02 bị hại là 51.373.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Lương Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản là điện

thoại di động, tiền mặt, nhẫn vàng 18k và máy tính xách tay của bị hại Hoàng Ngọc M và máy tính xách tay, nhẫn vàng đính đá, miếng vàng SJC, đồng hồ đeo tay và tiền mặt của bị hại Lê Thanh H.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội.

[5.2] Về nhân thân: bị cáo nhiều lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, sau khi thi hành án xong bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, xét về nhân thân của bị cáo là rất xấu.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho bị hại Hoàng Ngọc M, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật chưa cao, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tại Bản án số 130/2018/HSST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt Lương Văn N 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phạm tội nghiêm trọng. Nhí thực hiện hành vi phạm tội ngày 26 tháng 9 năm 2017 (lúc này N là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi). Tại Bản án số 46/2018/HSST ngày 12/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xử phạt Lương Văn N 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phạm tội ít nghiêm trọng. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại bản án số 130/2018/HSST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù. Nhí thực hiện hành vi phạm tội ngày 20 tháng 11 năm 2017 (lúc này N là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Tại Bản án số 57/2021/HSST ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xử phạt Lương Văn N 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Trong đó xác định N có 02 tiền án và xác định thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự: “...Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

...Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý...”.

Như vậy, Lương Văn N, thời điểm bị phạm tội năm 2017 thuộc trường hợp không có án tích. Bản án số 57/2021/HSST ngày 07/4/2021, Tòa án nhân dân

thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xác định N có 02 tiền án và xác định thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự là chưa phù hợp.

Lần phạm tội này bị cáo Lương Văn N phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

[6] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi lợi dụng sự chủ quan của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày càng gia tăng, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Lê Thanh H yêu cầu Lương Văn N bồi thường số tiền 38.400.000 đồng, bị cáo N đồng ý bồi thường. Xét, thỏa thuận về việc bồi thường của bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025.

- Bị hại bà Hoàng Ngọc M không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu JAPATO, biển số 61L3-1403, số máy: KFMHUB007873, số khung FKDGPC007873 (dàn mũ màu đỏ nhãn hiệu Wave, xe không kính chiếu hậu, không kiểm tra bên trong máy) là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Công D không biết nhẫn vàng do Lương Văn N mang đến bán là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông D là phù hợp quy định pháp luật.

[11] Về án phí: bị cáo Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025;

Các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.
3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lương Văn N phải bồi thường cho ông Lê Thanh H số tiền 38.400.000 (ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn) đồng.
Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
4. Về vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu JAPATO, biển số 61L3-1403, số máy: KFMHUB007873, số khung FKDGPC007873 (dàn mũ màu đỏ nhãn hiệu Wave, xe không kính chiếu hậu, không kiểm tra bên trong máy) Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/01/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Về án phí: Bị cáo Lương Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.920.000 (một triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo:
Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết